

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SĐ
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SĐ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Chung;

Bà Vi Thị Tú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SĐ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên;

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST – HNGĐ ngày 24/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1998 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố ĐK, thị trấn T, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Lý Thị O, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố số 6, thị trấn AC, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/9/2022 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, anh Đặng Văn T trình bày: Anh tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với chị Lý Thị O, có đăng ký kết hôn ngày 04/6/2018 tại UBND thị trấn TS (nay là thị trấn T), huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2022 vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng không còn tôn trọng, yêu thương nhau, tình trạng hôn nhân căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị O.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là: Đặng Hải Đ, sinh ngày 22/7/2016, Đặng Bảo A, sinh ngày 23/5/2019, cả hai con chung đều đang ở cùng anh. Vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu Đ, để chị O nuôi cháu Bảo A, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có.

Chứng cứ anh T đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2018 ngày 04/6/2018; Trích lục khai sinh của cháu Đặng Hải Đ và cháu Đặng Bảo A.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2023, chị Lý Thị O trình bày: Chị O thừa nhận anh T trình bày về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn như chị anh T là đúng; chị O cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân do anh T không chịu làm ăn, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và vợ chồng đã ly thân. Nay chị xác định tình nghĩa vợ chồng đã không còn chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của anh T.

Về con chung: Chị O thừa nhận vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày là đúng. Chị không đồng ý với yêu cầu nuôi con của anh T, chị đề nghị được nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng 3.000.000đ/ 1 tháng/ 1 cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân

sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T. Cho anh T ly hôn chị O.

Giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Hải Đ. Giao chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu Đặng Bảo A. Anh T, chị O không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đặng Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Lý Thị O đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị O, anh T theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, chị O đang cư trú tại tổ dân phố số 6, thị trấn AC, huyện SĐ. Tòa án nhân dân huyện SĐ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về Nội dung: Anh T và chị O đều thừa nhận tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TS (nay là thị trấn T), huyện SĐ ngày 04/6/2018. Lời thừa nhận của anh T, chị O phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2018 ngày 04/6/2018 của UBND thị trấn T, huyện SĐ do anh T nộp kèm theo đơn khởi kiện. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị O là hợp pháp. Do vợ chồng mâu thuẫn, anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị O, yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh T, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Các lời khai của anh T và chị O đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh T cho rằng nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng không còn tôn trọng, yêu thương nhau. Chị O cho rằng nguyên nhân do anh T không chịu làm ăn, chị đồng ý ly hôn anh T. Mặc dù hai bên đưa ra nguyên nhân khác nhau nhưng anh T xin ly hôn chị O đồng ý ly hôn. Do đó, cần

chấp nhận sự tự nguyện ly hôn của chị O và anh T là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị O đều thừa nhận có 02 con chung là Đặng Hải Đ, sinh ngày 22/7/2016 và Đặng Bảo A, sinh ngày 23/5/2019. Anh T có nguyện vọng nuôi cháu Đ, để chị O nuôi cháu Bảo A, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; chị O có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng 3.000.000đ/ 1 tháng/ 1 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Xét thấy: Cả anh T và chị O đều đang trong độ tuổi lao động có chỗ ở ổn định, có thu nhập, cả hai đều có đủ điều kiện để nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con cũng như trách nhiệm của cha mẹ với con cái, cần giao cho mỗi người nuôi một con. Anh T có nguyện vọng nuôi cháu Đ nên cần giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ; giao cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bảo A là đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do cả anh T và chị O mỗi người đều trực tiếp nuôi một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị O với anh T.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh T, chị O đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tiêu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đặng Văn T được ly hôn chị Lý Thị O.

2. Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Hải Đ, sinh ngày 22/7/2016; giao cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Bảo A, sinh ngày 23/5/2019. Anh T, chị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T, chị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015446, ngày 25/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện SĐ. Xác nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện SĐ;
- Chi cục THADS huyện SĐ;
- UBND TT T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Thạo